

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày: 03-01-2023

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Bá Kha**

*Các Thẩm phán:*

Ông **Lê Lâm Sơn**

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Thanh V**, sinh năm: 1959. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Thạnh A, xã Đông Th, huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Như T**, sinh năm: 1956. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 10 Ch, xã Đông H, huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Bà **Cao Thị Tố Uyên** – Trợ giúp viên của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thu Th**, sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Thạnh A, xã Đông Th, huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông **Ngô Thanh V** và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Ngày 14/10/2006, ông V có vay giùm cho ông T số tiền 14.000.000 đồng, vay của bà Đượm, theo tờ hợp đồng ngày 14/10/2006, lúc lập hợp đồng không có mặt ông T; ông V nhận tiền 14.000.000 đồng từ bà Đượm. Khi về Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng mới giao lại cho ông T, ông T ký biên nhận nợ ngày 14/10/2006 và nhận 14.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, 03 tháng trả lãi 01 lần với số tiền là 840.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng. Sau khi vay nợ ông T có giao cho ông V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.840 m<sup>2</sup>, số vào sổ 000300/QSDĐ ngày 19/8/2003, do ông T đứng tên, từ khi vay đến nay ông T không trả tiền lãi cho ông V. Ông V yêu cầu giải quyết buộc ông Huỳnh Như T phải trả cho ông nợ gốc 14.000.000 đồng và lãi theo quy định của nhà nước.

*Tại phiên tòa sơ thẩm*, ông V yêu cầu ông T trả 14.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

**- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:** Ngày 14/10/2006 ông T có ký biên nhận nợ của ông V số tiền là 14.000.000 đồng, nhưng đây là tiền lãi chứ không phải vay tiền mặt, vào ngày 06/7/2007 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Minh, giữa ông và ông V đã tính toán, thỏa thuận trừ nợ xong, nên xác định là không còn nợ ông V.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu Th trình bày:** Bà biết ông T có vay của ông V 03 khoản tiền: một là của chị Dương 26.000.000 đồng, hai là của chị Giao 21.000.000 đồng và ba là của bà Đượm 14.000.000 đồng. Ngoài ra không biết khoản nào khác. Bà không biết ông V và ông T vay và giao nhận tiền như thế nào, đến khi người ta đến đòi nợ ông V bà mới biết. Ông V là người đứng ra cho ông T vay tiền nên để ông V yêu cầu, bà không yêu cầu.

*\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 184, 224, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 429 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu ông T trả số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ông Ngô Thanh V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án buộc ông Huỳnh Như T trả lại cho ông số tiền gốc 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và xin miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Thanh V.

Ngày 28/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS quyết định rút toàn bộ nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Như T yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn ông Ngô Thanh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Như T trình bày: Khởi kiện và kháng cáo của ông Ngô Thanh V là không có cơ sở, trong khi đó ông T cho rằng 14 triệu là tiền lãi và đã thanh toán đủ ở cơ quan thi hành án. Đề nghị bác khởi kiện, bác kháng cáo của ông Ngô Thanh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thanh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng nghị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Ngô Thanh V về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét Quyết định kháng nghị của

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tỉnh Kiên Giang về nội dung, quyền kháng nghị, thủ tục kháng nghị và thời hạn kháng nghị đã đúng quy định tại Điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Như T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị của bản án sơ thẩm:

Xét đơn kháng cáo của ông Ngô Thanh V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án buộc ông Huỳnh Như T trả lại cho ông số tiền gốc 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và xin miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 14.000.000 đồng, có cung cấp biên nhận nợ vào ngày 14/10/2006 và cho rằng đã giao tiền mặt cho bị đơn 14.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã. Bị đơn thừa nhận có ký biên nhận nhưng cho rằng đây là các khoản lãi ông V buộc ký nhận và sau đó đã thống nhất thanh toán xong khi thỏa thuận thi hành án khoản nợ khác.

Xét về nội dung biên nhận nợ, không ghi là nợ ai, không chứng minh được chủ thể cho vay là ai, không đầy đủ chủ thể trong một giao dịch dân sự, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Năm 2006 ông V có khởi kiện ông T yêu cầu trả số tiền 47.000.000 đồng, được Tòa án thụ lý ngày 12/12/2006 và có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngày 06/7/2007 Cơ quan thi hành án mời ông V và ông T thỏa thuận thi hành án. Các bên đã thỏa thuận được, ông T thống nhất giao đất để thi hành án. Thỏa thuận giá trị đất là 57.850.000 đồng, ông V và ông T có thỏa thuận thêm số tiền nợ bên ngoài tổng cộng là 8.100.000 đồng. Khấu trừ các khoản thì đã thống nhất và biên bản có thể hiện: *“Tổng phần đất ông T phải giao có giá trị là 57.850.000đ. Đối trừ các khoản tiền đầu tư đất 3.750.000đ. Tiền nợ ngoài ông T thiếu ông V là 8.100.000đ và lãi chậm thi hành án 1.000.000đ. Hai bên tự thỏa thuận coi như đã trừ nợ xong, không còn thiếu đủ, ông V được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên”*. Như vậy lời trình bày của ông T về việc thỏa thuận tất cả các khoản nợ còn lại là 8.100.000 đồng coi như hết nợ là đúng với biên bản của cơ quan thi hành án.

Mặt khác, Tòa án đã xác minh chấp hành viên của Cơ quan Thi hành án xác định số nợ thi hành án là 47.000.000 đồng, ông V và ông T có thỏa thuận thêm số nợ ngoài, hai ông tranh cãi rồi thỏa thuận tổng số nợ ngoài là 8.100.000 đồng nên ghi vào biên bản để khấu trừ giá trị tài sản. Sau khi hai bên thỏa thuận thì ông V rút yêu cầu thi hành án, ngày 16/8/2007 thi hành án đã ra quyết định đình chỉ thi hành án, ngày 14/4/2008 đã ra quyết định kết thúc thi hành án.

Ông T xác định biên nhận ông V cung cấp là do ông T ký. Tuy nhiên, vào ngày 06/7/2007 khi thực hiện thỏa thuận thi hành án đã có tính số nợ ngoài quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án, các bên đã tính toán và thống nhất tổng số nợ ông T thiếu ông V đến thời điểm ngày

06/7/2007 và thỏa thuận trừ căn xem như hết nợ. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định ông T đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho ông V vào ngày 06/7/2007 được thể hiện theo biên bản thỏa thuận của Cơ quan Thi hành án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh chỉ căn cứ vào biên nhận đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông V là chưa đánh giá hết chứng cứ khác có trong hồ sơ, cũng như quá trình vay nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ và tranh chấp kéo dài từ năm 2005. Vì vậy yêu cầu kháng nghị là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã có văn bản rút toàn bộ nội dung kháng nghị. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; do ông V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thanh V là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 184, 224, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 429 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thanh V.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu ông T trả số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

*Về án phí dân sự:*

Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; do ông V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thanh V là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh
- THA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bá Kha**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán                      Thẩm phán                      Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Bá Kha**